

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 14/5/2026

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Định và ông Võ Xuân Nghi

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thuý Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Lực - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 05/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hoàng Thị H**, sinh năm 1997. Địa chỉ: **Thôn V, xã N, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Hoàng Đình P**, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: **Thôn V, xã N, tỉnh Quảng Trị**; Chỗ ở hiện nay: Hàn Quốc - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2025, bản tự khai, nguyên đơn chị **Hoàng Thị H** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Hoàng Đình P** sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn, xây dựng hạnh phúc gia đình, đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2022 tại **Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình** (nay là **Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Quảng Trị**). Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng vun vén cho gia đình nhỏ. Tuy nhiên sau 3 tháng, đời sống hôn nhân trở nên căng thẳng, bế tắc, không thể hoà giải, tình cảm vợ chồng phai nhạt, không còn sự thấu hiểu chia sẻ, mọi sự trao đổi, hàn gắn và tìm tiếng nói chung không mang lại kết quả. Hiện nay vợ chồng đã ly

thân 02 năm, người nào sống cuộc sống của người đó. Nay chị **H** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Hoàng Đình P**.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không có.

Đối với bị đơn anh **Hoàng Đình P** đang ở Hàn Quốc nhưng không rõ địa chỉ: Tòa án đã tiến hành niêm yết tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi người thân thích của anh **P** cư trú và tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho anh **P** thông qua ông **Hoàng Mạnh H1** và bà **Hoàng Thị H2** (là bố, mẹ đẻ của anh **P**). Đồng thời, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ:

Tại Công văn số 2960/PA08-Đ1 ngày 19/12/2025 của **phòng Q công an tỉnh Q** thông tin: anh **Hoàng Đình P**, sinh ngày 18/02/1992, căn cước công dân số 044092004809 đã xuất cảnh lần gần nhất vào ngày 21/9/2025, hiện chưa có thông tin nhập cảnh lại Việt Nam.

Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị cũng đã thông báo đăng tin trên Hệ phát thanh đối ngoại quốc gia qua Đài tiếng nói Việt Nam 03 lần trong 03 ngày liên tiếp (03,04,05/3/2026).

Tại biên bản xác minh ngày 10/3/2026, ông **H1** và bà **H2** cho biết: Anh **P** đã đi lao động Hàn Quốc vào khoảng tháng 11 năm 2025 đến nay. Anh **P** vẫn có liên lạc về gia đình nhưng ông bà không rõ địa chỉ cụ thể của anh **P** ở Hàn Quốc. Vợ chồng chị **H** và anh **P** kết hôn vào khoảng năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã **Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình** cũ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng với gia đình của ông **H1**, bà **H2** khoảng 02 tháng. Giữa hai bên xảy ra những mâu thuẫn nhỏ, ông bà cũng đã cố gắng hoà giải để hai bên đoàn tụ, tuy nhiên chị **H** bỏ đi đâu không rõ. Vợ chồng mới cưới nên chưa có con chung, chưa có tài sản hay nợ chung gì. Nay chị **H** làm đơn xin ly hôn thì ông **H1**, bà **H2** không có ý kiến gì, gia đình cũng không ép buộc gì chị **H**. Ông bà sẽ báo lại cho anh **Hoàng Đình P** về việc chị **H** làm đơn xin ly hôn tại Tòa án. Ông **H1** và bà **H2** công nhận các nội dung trên theo biên bản xác minh dưới sự chứng kiến của cán bộ tư pháp xã và cảnh sát khu vực phụ trách địa bàn, tuy nhiên ông **H1** và bà **H2** là người công giáo nên không ký vào biên bản.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn có đương sự là người Việt Nam cư trú ở nước ngoài, thời hạn giải quyết vụ án được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên do bị đơn anh **Hoàng Đình P** cố tình dấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của anh **P** và xác minh thông qua người thân. Như vậy quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình và đã có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ; bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228, Điều 469, 474, 475, điểm b khoản 5 Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Xét xử vắng mặt nguyên đơn chị **Hoàng Thị H** và bị đơn anh **Hoàng Đình P**.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: xử cho chị **Hoàng Thị H** được ly hôn với anh **Hoàng Đình P**. Về con chung, tài sản và công nợ chung: Không xem xét. Buộc nguyên đơn chị **Hoàng Thị H** phải chịu án phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị **Hoàng Thị H** và anh **Hoàng Đình P** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Quảng Trị), theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình đây là hôn nhân hợp pháp. Chị **H** khởi kiện yêu cầu xin hôn với anh **Hoàng Đình P**, hiện tại anh **P** đang sinh sống ở Hàn Quốc và có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh là thôn V, xã N, tỉnh Quảng Trị. Vì vậy, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Quảng Trị, theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các bên đương sự: Anh **Hoàng Đình P** hiện đang ở nước ngoài, không rõ địa chỉ cụ thể, nhưng gia đình xác nhận anh vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Tòa án đã tiến hành niêm yết và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh **P** thông qua bố, mẹ đẻ là ông **Hoàng Mạnh H1** và bà **Hoàng Thị H2**. Chị **Hoàng Thị H** đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xét xử vắng mặt nguyên đơn chị **Hoàng Thị H** và bị đơn anh **Hoàng Đình P**.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Hoàng Thị H**:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy lời khai của chị **Hoàng Thị H** phù hợp với ý kiến trình bày của bố, mẹ đẻ anh **P** và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị **H** và anh **P** đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị **H**, xử cho chị **H** ly hôn với anh **P**.

[2.2] Về quan hệ con chung: Không có nên không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H là nguyên đơn phải chịu.

[4] Về chi phí tố tụng: Chị H là nguyên đơn phải chịu.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 153, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị H, cho chị H được ly hôn anh Hoàng Đình P.

2. Về quan hệ con chung: Không xem xét

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Hoàng Thị H phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0000050 ngày 07/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị H đã nộp đủ.

5. Về lệ phí đăng tin VOV5: Chị Hoàng Thị H phải chịu 2.250.000 đồng. Chị H đã nộp đủ.

6. Án xử sơ thẩm công khai, các bên đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (đối với đương sự cư trú ở nước ngoài) và 15 ngày (đối với đương sự có mặt tại Việt Nam) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV3, tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Tr i;
- UBND xã Nam Gianh;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hữu Tình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Định Võ Xuân Nghi Phạm Hữu Tình

